Ký bởi: Sở Tư pháp
Cơ quan: Tỉnh Hậu Giang
Thời gian ký: 14/08/2024 08:07:20

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 12/2024/NQ-HĐND	*Hậu Giang, ngày 24 tháng 7 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên từ năm học 2024 - 2025 đến năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 21

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên từ năm học 2024 - 2025 đến năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên từ năm học 2024 - 2025 đến năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập; cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; trẻ em mầm non, học sinh phổ thông công lập và học viên đang học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 2. Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên từ năm học 2024 - 2025 đến năm học 2025 - 2026 *(đính kèm Phụ lục).*

Điều 3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 24 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 03 tháng 8 năm 2024./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Quản trị II; Cục Hành chính - Quản trị II;
- Bộ Tài chính; Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh; Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.TH

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Trần Văn Huyến

Phụ lục

QUY ĐỊNH MỨC HỌC PHÍ ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN TỪ NĂM HỌC 2024 - 2025 ĐẾN NĂM HỌC 2025 - 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẬU GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

1. Mức học phí tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên từ năm học 2024 - 2025 đến năm học 2025 - 2026.

ĐVT: Đồng/học sinh/tháng

STT	Cấp học	Năm học 2024 - 2025		Năm học 2025 - 2026	
		Khu vực thành thị (gồm các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố)	Khu vực nông thôn (gồm các xã thuộc huyện, thị xã, thành phố) và vùng dân tộc thiểu số)	Khu vực thành thị (gồm các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố)	Khu vực nông thôn (gồm các xã thuộc huyện, thị xã, thành phố) và vùng dân tộc thiểu số)
1	Mầm non (trừ trẻ em mầm non 05 tuổi)	92.000	35.000	92.000	35.000
2	Tiểu học	60.000	30.000	60.000	30.000
3	Trung học cơ sở	60.000	30.000	0	0
4	Giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	65.000	50.000	0	0
5	Trung học phổ thông	65.000	35.000	65.000	35.000
6	Giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông	80.000	65.000	80.000	65.000

2. Đối với các trường có phân hiệu, điểm phụ, mức học phí được xác định tại các địa điểm học tập của học sinh.

3. Trường hợp học trực tuyến (học online) thì mức học phí bằng 50% mức thu mức học phí theo từng cấp học quy định tại khoản 1 Phụ lục này. Nếu trong tháng vừa tổ chức học trực tiếp, vừa học trực tuyến thì thu theo mức thu học trực tuyến.

4. Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng thì mức học phí được thu theo số tháng học thực tế (bao gồm cả thời gian tổ chức dạy học trực tuyến hoặc bố trí thời gian học bù tại trường); Không thu học phí trong thời gian không tổ chức dạy học. Đối với các tháng có thời gian học thực tế (bao gồm cả thời gian dạy học trực tuyến, bố trí học bù tại trường) không đủ cả tháng, việc xác định thời gian thu học phí được tính như sau:

a) Thời gian dạy học thực tế trong tháng dưới 15 ngày (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu 1/2 tháng;

b) Thời gian dạy học thực tế trong tháng từ 15 ngày trở lên (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu đủ tháng.

5. Các quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng thụ hưởng và nội dung không quy định trong Nghị quyết này được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và các văn bản hiện hành khác có liên quan.

6. Mức học phí của học sinh tiểu học tại khoản 1 Phụ lục này là mức làm căn cứ để Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục ở địa bàn chưa có trường tiểu học công lập và học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định./.